

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGHĨA HÀNH  
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 9 - 2024

V/v: “Không công  
nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hải Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Thanh Duy.

2. Bà Trịnh Thị Thanh Thúy.

*Thư ký phiên tòa tại điểm cầu Trung tâm:* Ông Trần Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

*Thư ký tại điểm cầu thành phần:* Ông Trần Tiến D.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Thy – Kiểm sát viên.

*Kiểm sát viên tại điểm cầu thành phần:* Ông Đặng Ngọc H.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành và điểm cầu thành phần tại Trụ sở UBND xã H, huyện N, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành tiến hành đưa ra xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án thụ lý số: 74/2024/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc “Không công nhận vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Đ, sinh năm: 1969. (Có mặt)

Địa chỉ: B Đ, phường P Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm 1968. (Vắng mặt có lý do)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện ngày 22/4/2024, nguyên đơn ông Trần Đ trình bày:* Ông Đ và bà Phan Thị L kết hôn, chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay ông Đ yêu cầu Tòa án không công nhận giữa ông và bà L là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Đ1, sinh năm 1995 và Trần Đ2, sinh năm 1999 hiện nay hai con đã trên 18 tuổi nên tự lo.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

- Tại bản trình bày ngày 14 tháng 6 năm 2024, bà Phan Thị L trình bày: Tôi và ông Đ kết hôn với nhau năm 1993, khi đó chúng tôi có đi đăng ký kết hôn nhưng hiện nay giấy kết hôn bị thất lạc, trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn với nhau nên từ năm 2000 vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay ông Đ xin ly hôn tôi đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Đ1, sinh năm 1995 và Trần Đ2, sinh năm 1999 hiện nay hai con đã trên 18 tuổi đã tự lo được.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

\* Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành phát biểu ý kiến:

Căn cứ Điều 28, 35, 68, 203, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 9, 14, 53 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 về hôn nhân thực tế; Điều 27 Nghị quyết 326 của UBTWQH, đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Đ và bà Phan Thị L.

- Về con chung: Ông Đ, bà L có 02 con chung tên Trần Đ1, sinh năm 1995 và Trần Đ2, sinh năm 1999 hiện nay hai con đã trên 18 tuổi nên tự lo.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

- Về án phí: Ông Trần Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Đ khởi K yêu cầu Tòa án không công nhận giữa ông và bà L là vợ chồng, bà L có nơi cư trú tại huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ Khoản 8 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Phan Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đ và bà Phan Thị L chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 là trái với quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống ông Đ và bà L có mâu thuẫn với nhau, cả hai sống ly thân với nhau từ năm 2000, ông Đ có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận giữa ông và bà L là vợ chồng, bà L trình bày vợ chồng có đăng ký kết hôn nhưng đã mất giấy đăng ký kết hôn, Hội đồng xét xử thấy tại Biên bản xác minh ngày 27/6/2024 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N thì ông Đ và bà L không đăng ký kết hôn với nhau từ năm 1989 cho đến nay, tại Giấy xác nhận ngày 21/5/2024 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện N thì không còn hồ sơ lưu trữ việc kết hôn giữa ông Đ và bà L. Vậy Hội đồng xét xử thấy ông Đ và bà L kết hôn, chung sống với nhau từ năm 1992 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình nên pháp luật không công nhận ông Đ, bà L là vợ chồng.

[2.1] Về con chung: Ông Đ, bà L có 02 con chung tên Trần Đ1, sinh năm 1995 và Trần Đ2, sinh năm 1999 hiện nay hai con đã trên 18 tuổi nên tự lo.

[2.2] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Nợ chung: Không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Đ phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành đúng pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ: Khoản 8 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

- Căn cứ: Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đ.
- Không công nhận ông Trần Đ và bà Phan Thị L là vợ chồng.
- Về con chung: Ông Đ, bà L có 02 con chung tên Trần Đ1, sinh năm 1995 và Trần Đ2, sinh năm 1999 hiện nay hai con đã trên 18 tuổi nên tự lo.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ chung: Không có.
- Về án phí: Ông Trần Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000998 ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Nghĩa Hành;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hành;
- UBND xã xã Hành Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Hải Nam**